

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2019/DS-PT**

Ngày 13/8/2019

V/v yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở trái pháp luật; Tranh
chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hải

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Bà Lê Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Trương Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật; Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2019/QĐXXPT-DS ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phạm Hữu H, sinh năm 1974

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963

Địa chỉ: Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn B1, sinh năm 1954

Địa chỉ: Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Xuân A, sinh năm 1958

Địa chỉ: Xã P, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Duy Tr1, sinh năm 1973

2. Bà Nguyễn Thị Kim Tr2, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông Tr1 vắng mặt, bà Tr2 có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959

4. Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1987

5. Ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1987

6. Ông Nguyễn Thiện Chí C, sinh năm 1990

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970

8. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

9. Ông Nguyễn T, sinh năm 1959

10. Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Xã Đ, huyện L, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Tấn Ng, sinh năm 1962

Địa chỉ: Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Xuân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo yêu cầu khởi kiện bên nguyên đơn ông Phạm Hữu H và bà Nguyễn Thị Thanh Đ trình bày: Ngày 16/8/2018, vợ chồng ông H đã ký hợp đồng chuyển nhượng với vợ chồng ông Lê Duy Tr1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr2 hai thửa đất gồm: thửa 1119, diện tích 121m² và thửa 1120, diện tích 113m² thuộc tờ bản đồ số 06 tại xã V, thành phố N. Toàn bộ diện tích đất trên đã được rào ranh mốc rõ ràng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được sang tên sau khi chuyển nhượng đúng pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất nêu trên đều thể hiện lối đi chung rộng 03 mét. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận hai lô đất này thì các bị đơn đã không cho vợ chồng ông H sử dụng lối đi chung vì cho rằng chủ đất cũ thì được sử dụng, đối với chủ đất mới đến thì không cho đi. Ngoài ra, các bị đơn còn cho rằng 02 thửa đất nêu trên đã lần chiếm của họ nên mọi sinh hoạt liên quan đến sử dụng lối đi chung đều bị ngăn cản. Mặc dù, vợ chồng ông H đã nhiều lần có thiện chí đề nghị thương lượng để chấm dứt hành vi cản trở đối với lối đi nêu trên nhưng không thành. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về đất nhận chuyển nhượng có lối đi hợp pháp.

- Theo bản tự khai các bị đơn gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Xuân A và ông Nguyễn B1 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06, diện tích 3.086,5m² tại xã V, thành phố N là do bà Nguyễn Thị M để lại cho chúng tôi. Tuy nhiên, các bị đơn cho rằng bên nguyên đơn đã lấn chiếm khoảng 50m² để làm lối đi riêng và lấn một phần đất khoảng 20m². Các bị đơn đã nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, họ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm. Đối với các bị đơn gồm bà T, bà Ng, bà B và ông A trong quá trình giải quyết vụ án đã bổ sung yêu cầu độc lập tranh chấp quyền sử dụng đất đối với lối đi chung và 20m² đất tại thửa 1119 và 1120, tờ bản đồ số 06 như đã nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Tấn H1 trình bày: Như các bị đơn đã trình bày như nêu trên, ông H1 đã phát hiện ông Lê Duy Tr1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr2 là người mua 02 thửa đất 1119 và 1120, tờ bản đồ số 06 giáp ranh với đất bà M (mẹ chúng tôi) để lại. Sau khi mua ông Tr1, bà Tr2 đã lấn chiếm khoảng 50m² để làm lối đi riêng và lấn một phần đất khoảng 20m². Quá trình giải quyết vụ án ông H1 có yêu cầu độc lập đối với ông Tr1 và bà Tr2 trả lại phần đất lấn chiếm nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy Tr1 và bà Nguyễn Thị Kim Tr2 trình bày: Năm 2011, vợ chồng ông Tr1 và bà Tr2 có nhận chuyển nhượng 02 thửa đất 1119 và 1120, tờ bản đồ số 06 tại xã V, thành phố N. Vợ chồng ông Tr1 nhận chuyển nhượng thửa 1119, tờ bản đồ số 06, diện tích 121m² của ông Nguyễn T, bà Lê Thị Nh; thửa 1120, tờ bản đồ số 06, diện tích 113,3m² của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Mỹ D. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất nêu trên đều có lối đi rộng 03 mét, chiều dài kéo dài hết 02 lô đất. Tuy nhiên, sau khi ông Tr1 và bà Tr2 chuyển về ở thì phát sinh tranh chấp với các bị đơn. Nguyên nhân các bị đơn cho rằng vợ chồng ông Tr1 và bà Tr2 đã lấn phần đất rộng 03 mét làm lối đi riêng vào nhà, đất mới mua. Vợ chồng ông Tr1 đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết thương lượng nhưng không thành. Nay vợ chồng ông Tr1 yêu cầu Tòa buộc các bị đơn nêu trên chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với lối đi chung.

Đối với phần đất khoảng 20m², những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cho rằng vợ chồng ông Tr1 lấn chiếm. Ông Tr1 và bà Tr2 cho rằng không có cơ sở vì nhà và đất nêu trên ông Tr1 và bà Tr2 nhận chuyển nhượng đã có xây ranh giới rõ ràng và nguồn gốc các lô đất là của ông Nguyễn Y và bà Nguyễn Thị S bán lại không liên quan đến các bị đơn và người có yêu cầu độc lập.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Ng Th, ông Nguyễn Ng Ch, ông Nguyễn Th Ch C trình bày: Bà S và các con đều thừa nhận năm 2006, lúc ông Nguyễn Y còn sống thì vợ chồng bà có bán 02 lô đất, một lô bán cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Mỹ D, một lô bán cho ông Nguyễn T, bà Lê Thị Nh. Tại thời điểm bán các lô đất nêu trên thì các thành viên trong gia đình thỏa thuận thống nhất với nhau chừa lối đi chung rộng 03

mét, dài từ đường hiện trạng đến đưng lô đất ông Nguyễn Tấn Ng. Khi đó ông Nguyễn Tấn H1 và ông Nguyễn Y là người đại diện đứng ra đo đất chưa làm lối đi. Chnh vì vậy, sau khi bán đất thì các cơ quan chức năng mới đủ cơ sở để tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ đất mới mua.

Đối với 20m² đất, những người có yêu cầu độc lập cho rằng vợ chồng ông Tr1 và bà Tr2 lấn chiếm: Chúng tôi cho rằng nguồn gốc đất ông Tr1 mua là của ông Y, bà S trước đây bán, không liên quan gì đến các bị đơn và người có yêu cầu độc lập. Vì vậy, những người này có yêu cầu tranh chấp với ông Tr1, bà Tr2 là không có cơ sở.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:* Năm 2006, vợ chồng ông T, bà D nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Y và bà Nguyễn Thị S thửa đất 1120, tờ bản đồ số 06, diện tích 113m² tại xã V, thành phố N. Trước khi nhận chuyển nhượng thì gia đình bà M có thỏa thuận chưa lại một phần đất ngang 03 mét để làm lối đi chung. Khi đó, bà M và ông Y còn sống thì các thành viên trong gia đình đều thống nhất, không có tranh chấp gì nên chúng tôi mới đồng ý mua. Sau đó, cơ quan có thẩm quyền mới tách thửa và cấp sổ đỏ cho chúng tôi thể hiện có lối đi chung. Nay các bị đơn và người có yêu cầu độc lập ngăn cản không cho nguyên đơn sử dụng lối đi chung là không đúng. Đối với phần đất 20m² các bị đơn và người có yêu cầu độc lập cho rằng ông Tr1, bà Tr2 lấn chiếm; vợ chồng chúng tôi cho rằng không có cơ sở vì đất vợ chồng tôi mua của vợ chồng ông Y và bà S không liên quan gì đến những người này. Đồng thời tại thời điểm mua không ai tranh chấp gì đối với lối đi và 20m² đất nêu trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T và bà Lê Thị Nh trình bày:* Năm 2006, vợ chồng ông T đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Y và bà Nguyễn Thị S 121m² đất thuộc thửa 801, tờ bản đồ số 06 tại xã V, thành phố N. Khi vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng thì hiện trạng đã có lối đi rộng 03 mét. Về nguồn gốc lối đi chung vợ chồng ông T không rõ. Sau đó, vợ chồng ông T đã chuyển nhượng lại cho ông Lê Duy Tr1, bà Nguyễn Thị Kim Tr2, việc chuyển nhượng đất không bao gồm lối đi chung 03 mét nêu trên. Việc các bên tranh chấp lối đi chung, vợ chồng ông T không ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Ng trình bày:* Ông Ng cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp lối đi chung trước đây là của bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, sau đó các bên có thỏa thuận chưa phần đất rộng 03 mét để làm lối đi hay không thì ông Ng không rõ. Năm 2015, thì toàn bộ các anh em trong gia đình đã thống nhất làm văn bản để lại thừa kế cho những người có yêu cầu độc lập. Nay các bên xảy ra tranh chấp đất đối với lối đi chung, ông Ng xác định không liên quan đến quyền lợi gì nên không có ý kiến, các bên tranh chấp tự giải quyết với nhau. Phần đất 20m² tại thửa 1119 và 1120, tờ bản đồ 06, những người có yêu cầu độc lập tranh chấp là không có cơ sở vì đất của ông Y, bà S bán nếu dư hoặc thiếu thì không liên quan gì đến những người này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ Điều 169 và Điều 254 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai;
- Căn cứ Điều 72, Điều 73, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi,
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Phạm Hữu H và bà Nguyễn Thị Thanh Đ về “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với lối đi chung*”.

2. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn B1, ông Nguyễn Xuân A và ông Nguyễn Tấn H1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng lối đi chung tại thửa 1119 và 1120, tờ bản đồ số 06 xã V, thành phố N (lối đi chung theo mô tả của sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3. Đình chỉ yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất đối với lối đi chung và 20m² đất tại thửa 1119 và 1120, tờ bản đồ số 06 xã V, thành phố N của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn B1, ông Nguyễn Xuân A và ông Nguyễn Tấn H1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí khác và quyền kháng cáo.

Ngày 03/5/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Xuân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, xác định hành vi cản trở không còn nên bác yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ. Ông A và bà B có đơn xin xử vắng mặt còn những người khác Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Ông H và bà Đ đã sang nhượng của ông Tr1 và bà Tr2 hai thửa đất số 1119 và 1120 tờ bản đồ số 6 xã V thành phố N. Hai thửa đất trên có lối đi duy nhất rộng 3m, khi ông H và bà Đ sử dụng lối đi này thì bà T, bà Ng, bà B, ông A, ông B1 cản trở không cho đi với lý do đất này thuộc quyền sử dụng của anh, chị em của các ông bà.

Xét thấy: Nguồn gốc hai lô đất ông Tr1 và bà Đ chuyển nhượng là của bà Mảng, bà Mảng đã cho vợ chồng con trai là ông Y và bà S sau đó vợ chồng ông Y và bà S đã chuyển nhượng cho người khác. Sau nhiều lần chuyển nhượng đến ông Tr1 và bà Tr2 thì xảy ra tranh chấp, ông Tr1 và bà Tr2 tiếp tục chuyển nhượng cho ông H và bà Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và người liên quan đều xác nhận lối đi chung 3m cho vợ chồng ông Y và bà S sử dụng từ năm 2006 khi này bà Mảng còn sống, ông Y và bà S làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Mảng và các con bà Mảng đồng ý không ai có ý kiến gì. Sau đó ông Y và bà S đã chuyển nhượng cho ông T và bà Nh, ông T và bà D. Các ông bà này sử dụng lối đi chung cũng không ai tranh chấp đến khi ông Tr1 và bà Tr2 sử dụng thì ông B1, bà T, bà Ng, bà B, ông A đã đồ đá, lập hàng rào và có lời nói không cho ông Tr1 và bà Tr2 đi lối đi chung này. Ông Tr1 và bà Tr2 chuyển nhượng cho ông H và bà Đ bị đơn tiếp tục không cho đi, bà T xác định việc các ông bà cản trở đều có báo chính quyền địa phương nơi cư trú. Như vậy, thực tế đã có hành vi cản trở quyền sử dụng đất là lối đi chung đã xảy ra và các bị đơn khẳng định tại phiên tòa phúc thẩm nếu vợ chồng ông H đi vào lối này họ cũng vẫn cản trở. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu là hành vi cản trở không xảy ra đối với ông H và bà Đ và đề nghị bác đơn của nguyên đơn là trái với lời khai của các đương sự nhất là lời khai của bị đơn tại phiên tòa. Bị đơn xác nhận đã cản trở và tiếp tục cản trở.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và xác định lối đi chung hiện nay theo chuyển nhượng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và bà Đ là lối đi duy nhất có nguồn gốc của bà M cho ông Y và bà S sử dụng đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được sử dụng qua nhiều chủ các bị đơn không tranh chấp nay các bị đơn có hành vi cản trở ông H và bà Đ thực hiện quyền sử dụng lối đi chung là vi phạm pháp luật cần phải chấm dứt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên như án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu tranh chấp 20m² đất không phải lối đi chung đình chỉ giải quyết theo quy định. Cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất đối với lối đi chung là không chính xác cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 169 và Điều 254 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai;
- Căn cứ Điều 72, Điều 73, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi,
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Phạm Hữu H và bà Nguyễn Thị Thanh Đ về “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với lối đi chung*”.

2. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn B1, ông Nguyễn Xuân A và ông Nguyễn Tấn H1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng lối đi chung tại thửa 1119 và 1120, tờ bản đồ số 06 xã V, thành phố N (lối đi chung theo mô tả của sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3. Đình chỉ yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất đối với 20m² đất tại thửa 1119 và 1120, tờ bản đồ số 06 xã V, thành phố N của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn B1, ông Nguyễn Xuân A và ông Nguyễn Tấn H1.

4. Án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T, bà B, bà Ng và ông H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014508, AA/2016/0014506, AA/2016/0014507, AA/2016/0014509 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Bà T, bà B, bà Ng và ông H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Xuân A được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Xuân A 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014510 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. N;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Hải